

# SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG

## ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT NĂM 2025

*Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 9 thông qua ngày 19/02/2025 (viết tắt là Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025); có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2025 (riêng quy định về việc điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/02/2025), thay thế Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.*

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT NĂM 2025<sup>1</sup>

#### 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

##### a) Cơ sở chính trị

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: “*Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị*”. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định một trong ba vấn đề trọng tâm là hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật, với một số nội dung cụ thể như “*tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, bảo đảm chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả*”, “*quy định rõ hơn quy trình xây dựng chính sách, phân định rõ quy trình lập pháp và quy trình xây dựng văn bản dưới luật*”, “*đề cao và coi trọng đạo luật, đơn giản hóa, giảm tầng nấc, loại hình văn bản trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật*”, “*luật hóa đến mức tối đa những vấn đề quan trọng của đất nước thuộc thẩm quyền của Quốc hội*”, “*siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất*

<sup>1</sup> Tờ trình số 68/TTr-CP ngày 08/02/2025 của Chính phủ về Dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi).

*là trách nhiệm người đứng đầu, kiên quyết chống tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong công tác xây dựng pháp luật.”*

Bên cạnh đó, tại các văn bản như Kết luận số 01-KL/TW ngày 04/4/2016 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 48-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa LX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Kết luận số 21- KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; Kết luận số 19- KL/TW ngày 14/10/2021 Bộ Chính trị thông qua Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV; Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật đã đề ra chủ trương về việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, quy định rõ trách nhiệm, sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan được giao chủ trì soạn thảo, thẩm định, thẩm tra; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong việc tham gia xây dựng pháp luật; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là người đứng đầu, không để xảy ra tình trạng lồng ghép “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong xây dựng pháp luật.

- Ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Phiên khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV và kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp<sup>2</sup>, chỉ đạo của Chủ tịch Quốc hội<sup>3</sup>, Thủ tướng Chính phủ<sup>4</sup> về việc đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện thể

---

<sup>2</sup> Thông báo số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp.

<sup>3</sup> Văn bản số 15/CTQH ngày 29/10/2024 về việc đổi mới tư duy trong công tác xây dựng pháp luật đã đặt ra là các cơ quan, đơn vị được giao trách nhiệm soạn thảo, trình, thẩm tra, tiếp thu, chỉnh lý dự án luật, dự thảo nghị quyết, các vị đại biểu Quốc hội và đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt sâu sắc tinh thần đổi mới tư duy trong công tác xây dựng pháp luật theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và ý kiến chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, thẩm tra, tiếp thu hoàn thiện các dự án luật, dự thảo Nghị quyết trình Quốc hội xem xét, thông qua.

<sup>4</sup> Văn bản số 868/TTg-TKBT ngày 25/10/2024 về việc đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện thể chế, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó nêu rõ: “... chuyên đổi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển”, “đổi mới quy trình xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật, bám sát thực tiễn, đứng trên mảnh đất thực tiễn Việt Nam để xây dựng các quy định pháp luật phù hợp, ... vừa làm vừa rút kinh nghiệm; không nóng vội nhưng không cầu toàn để mất thời cơ; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể. Thường xuyên đánh giá hiệu quả chất lượng chính sách sau ban hành để kịp thời điều chỉnh bất cập, mâu thuẫn, giảm thiểu thất thoát, lãng phí các nguồn lực; chủ động phát hiện và tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ các quy định của pháp luật.”...

ché, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó đề ra nhiệm vụ cần khẩn trương sửa đổi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Công văn số 12918-CV/VPTW ngày 06/01/2025, Công văn số 13078-CV/VPTW ngày 14/01/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng và Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, trong đó nêu 07 nhiệm vụ mà các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị cần tập trung làm tốt nhằm đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, đổi mới mạnh mẽ quy trình xây dựng pháp luật theo hướng chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả: (1) Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật; xác định rõ việc lãnh đạo công tác xây dựng thể chế, hoàn thiện pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp uỷ, tổ chức đảng; thực hiện nghiêm túc Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị; (2) Đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng pháp luật; (3) Tiếp tục đơn giản hoá hệ thống pháp luật, phân định rõ thẩm quyền lập pháp và lập quy; (4) Đổi mới mạnh mẽ việc xây dựng Chương trình lập pháp của Quốc hội theo hướng vừa có chiến lược, định hướng dài hạn, vừa có chương trình hằng năm linh hoạt, bám sát thực tiễn cuộc sống; (5) Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm dân chủ, chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả, minh bạch, dễ tiếp cận, dễ áp dụng trên thực tế, tiết kiệm thời gian, chi phí, đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn; (6) Tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong việc chủ động, tích cực tham gia xây dựng pháp luật; hoàn thiện cơ chế phản biện xã hội, giải trình và tiếp thu ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; (7) Phát triển nguồn nhân lực làm công tác xây dựng pháp luật có bản lĩnh chính trị, vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, thành thạo chuyên môn; quan tâm bố trí đủ nguồn lực, có cơ chế tài chính và chế độ, chính sách đặc thù cho công tác và cán bộ làm công tác pháp chế, xây dựng pháp luật, xác định đầu tư cho xây dựng pháp luật là đầu tư cho phát triển; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng pháp luật.

#### *b) Cơ sở pháp lý*

- Hiến pháp năm 2013 là văn bản chính trị - pháp lý đặc biệt quan trọng, có giá trị nền tảng để từ đó xây dựng, phát triển, hoàn thiện các đạo luật. Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, Luật Kiểm toán Nhà nước... về thẩm quyền của các cơ quan, cá nhân trong việc đề xuất, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật.

- Kế hoạch 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai Kết luận 19-KL/TW và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Nghị quyết 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV đề ra nhiệm vụ nghiên cứu, rà soát để sửa đổi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Chính phủ ban hành nhiều nghị quyết, trong đó xác định xây dựng, hoàn thiện thể chế là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu và yêu cầu: (1) Nghiên cứu đổi mới và hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, bảo đảm chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả; bảo đảm gắn kết công tác xây dựng pháp luật với thi hành pháp luật<sup>5</sup>; (2) Việc xây dựng các dự án luật phải bảo đảm nguyên tắc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; đổi mới tư duy xây dựng pháp luật; nội dung các dự án luật, chính sách phải cụ thể hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam; xây dựng pháp luật phải xuất phát từ thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; vấn đề “đã chín, đã rõ” được thực tiễn kiểm nghiệm thì quy phạm hóa thành quy định cụ thể; vấn đề chưa ổn định thì giao Chính phủ quy định để bảo đảm tính linh hoạt; quy định của pháp luật phải ngắn gọn, dễ hiểu, dễ áp dụng; tăng cường phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xây dựng pháp luật<sup>6</sup>.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016, được sửa đổi, bổ sung tại Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 (*gọi chung là Luật năm 2015*). Qua gần 10 năm thi hành Luật năm 2015, công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận trong việc hình thành hệ thống pháp luật tương đối đồng bộ, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, cơ bản điều chỉnh tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, tạo nền tảng pháp lý, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.

Bên cạnh các kết quả nêu trên, còn một số tồn tại, hạn chế trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật như đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhận định tại Thông báo số 108-TB/VPTW: (1) Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế kịp thời, đầy đủ hoặc đã thể chế nhưng tính khả thi không cao; (2) Chất lượng xây dựng, hoàn thiện pháp luật chưa đáp

<sup>5</sup> Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

<sup>6</sup> Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 22/9/2024 của Chính phủ về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 9/2024.

ứng yêu cầu thực tiễn, tính ổn định và khả năng dự báo của một số luật còn chưa cao nên thường xuyên phải sửa đổi; (3) Một số quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo, có quy định chưa rõ ràng, rườm rà, cản trở việc thực thi, gây thất thoát, lãng phí các nguồn lực; (4) Chất lượng xây dựng, hoàn thiện pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, chưa tạo được môi trường để thúc đẩy đổi mới sáng tạo; việc ban hành quy định pháp luật điều chỉnh những vấn đề mới còn chậm, chưa tạo khung khổ pháp lý thúc đẩy được động lực tăng trưởng, chưa thích ứng và theo kịp những thay đổi nhanh chóng dưới sự tác động mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; (5) Việc phân cấp, phân quyền chưa triệt để, chưa rõ trách nhiệm, việc cắt giảm thủ tục hành chính còn hạn chế; (6) Tổ chức thi hành pháp luật vẫn là khâu yếu, chưa có cơ chế hữu hiệu để nhận diện, phản ứng chính sách kịp thời..., chưa có sự gắn kết giữa xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Các tồn tại, hạn chế nêu trên có nguyên nhân là một số chủ trương, đường lối của Đảng mới được ban hành chưa kịp thể chế hoá và có nguyên nhân từ bất cập của Luật năm 2015 cũng như từ tổ chức thi hành Luật, trong đó, nổi lên 05 vấn đề sau đây:

**Thứ nhất**, quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật còn nhiều thủ tục, mất nhiều thời gian, chưa linh hoạt, chưa đáp ứng yêu cầu xử lý trường hợp cấp bách, đột xuất. Quy trình chính sách lồng ghép trong quy trình đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; chính sách chưa được coi trọng đúng mức, còn chung chung, thiếu cụ thể; đánh giá tác động còn chưa thực chất. Còn có nhiều hình thức với nhiều chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**Thứ hai**, chưa đủ cơ chế linh hoạt để Chính phủ chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội kiến tạo phát triển, phản ứng chính sách hoặc xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tiễn (như tình hình dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu...).

**Thứ ba**, quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quy trình xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật còn chưa đầy đủ, rõ ràng, nhất là về xem xét, xử lý trách nhiệm đối với những vi phạm về ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Kỷ luật, kỷ cương trong xây dựng, tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật vẫn còn chưa nghiêm; người đứng đầu một số cơ quan chủ trì soạn thảo chưa quan tâm đầy đủ tới công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

**Thứ tư**, các quy định về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật còn chưa đầy đủ, cụ thể; tản mát, thiếu đồng bộ. Điều kiện bảo đảm cho tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế. Đội ngũ công chức làm công tác xây dựng pháp luật chưa được quan tâm đúng mức; kinh phí, định mức phân bổ cho công tác này còn thấp, không đủ thực hiện các bước trong quy trình xây dựng

văn bản quy phạm pháp luật; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong xây dựng và thi hành văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc sửa đổi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật là rất cần thiết.

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT NĂM 2025

### 1. Mục đích

Kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn về thể chế, tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc xây dựng và vận hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, hiệu lực và hiệu quả, dễ áp dụng trên thực tế, khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong kỷ nguyên mới.

### 2. Quan điểm

**Một là**, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, xác định rõ việc lãnh đạo công tác xây dựng thể chế, hoàn thiện pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp ủy, tổ chức đảng. Thể chế hóa kịp thời, đúng, đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, đặc biệt là ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị<sup>7</sup>, ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội về đổi mới tư duy xây dựng pháp luật. Trong đó, đặt ra yêu cầu đối vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, khơi thông nguồn lực để phát triển; bám sát yêu cầu của thực tiễn, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với tinh thần “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”, cải cách triệt để thủ tục hành chính...

**Hai là**, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội Việt Nam là thành viên; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**Ba là**, kế thừa những nội dung còn phù hợp của Luật năm 2015, đồng thời, đổi mới quy trình xây dựng pháp luật theo hướng bảo đảm tính chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả. Giảm tối đa thời gian, đơn giản hoá thủ tục trong việc lập, điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm; tách quy trình xây dựng chính sách ra khỏi việc lập Chương trình lập pháp; phân định rõ quy trình chính sách và quy trình soạn thảo (quy phạm hoá chính sách); chính sách phải cụ thể, rõ ràng, đánh giá tác động phải thực chất. Luật điều chỉnh nội dung về kiến

---

<sup>7</sup> Công văn số 12918-CV/VPTW ngày 06/01/2025 và Công văn số 13078-CV/VPTW ngày 14/01/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng; Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị.

tạo phát triển thì quy định vấn đề khung, nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn vấn đề thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định.

**Bốn là**, bảo đảm đầu tư nguồn lực cho công tác xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật tương xứng với tính chất đột phát chiến lược, “*đột phá của đột phá*” và yêu cầu gắn kết giữa công tác xây dựng với tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật, trách nhiệm của các cơ quan, nhất là người đứng đầu trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

### III. BỐ CỤC CỦA LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT NĂM 2025

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 gồm **09** chương, **72** Điều (*giảm 08 chương, 101 Điều so với Luật năm 2015*). Bố cục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, cụ thể như sau:

**Chương I. Những quy định chung** (*gồm 09 điều, từ Điều 01 đến Điều 09*), quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Văn bản quy phạm pháp luật; (3) Giải thích từ ngữ; (4) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; (5) Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; (6) Phản biện xã hội, tham vấn, góp ý đối với chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; (7) Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và dịch văn bản quy phạm pháp luật ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài; (8) Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật; (9) Gửi, lưu trữ văn bản quy phạm pháp luật.

**Chương II. Thẩm quyền ban hành, nội dung văn bản quy phạm pháp luật** (*gồm 13 điều, từ Điều 10 đến Điều 22*), quy định về thẩm quyền ban hành, nội dung các văn bản, gồm: (1) Luật, nghị quyết của Quốc hội; (2) Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (3) Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; (4) Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; (5) Nghị định, nghị quyết của Chính phủ; (6) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; (7) Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; (8) Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; (9) Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; (10) Thông tư của Tổng Kiểm toán nhà nước; (11) Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; (12) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (13) Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và cấp huyện.

**Chương III. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội** (gồm 4 mục, 21 điều, từ Điều 23 đến Điều 43), cụ thể:

- **Mục 1: Định hướng lập pháp nhiệm kỳ và chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội**, quy định về: (1) Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội; (2) Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội; (3) Thông qua Chương trình lập pháp hằng năm; (4) Điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm.

- **Mục 2: Xây dựng chính sách**, quy định về: (1) Các trường hợp thực hiện quy trình xây dựng chính sách; (2) Xác định chính sách; (3) Đánh giá tác động của chính sách; (4) Lấy ý kiến, tham vấn chính sách; (5) Thẩm định chính sách của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình; (6) Thông qua chính sách.

- **Mục 3: Soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội**, quy định về: (1) Soạn thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (2) Thẩm định dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do Chính phủ trình; (3) Cho ý kiến đối với dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không do Chính phủ trình; (4) Xem xét, quyết định việc trình dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- **Mục 4: Thẩm tra, thông qua, công bố luật, pháp lệnh, nghị quyết**, quy định về: (1) Thẩm tra dự án; (2) Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án luật, nghị quyết của Quốc hội; (3) Xem xét, thông qua dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (4) Trình tự xem xét, thông qua dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội; (5) Trình tự xem xét, thông qua dự thảo pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (6) Trình tự xem xét, thông qua dự thảo pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (7) Công bố luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Chương IV: Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan khác** (gồm 06 điều, từ Điều 44 đến Điều 49), quy định về: (1) Xây dựng, ban hành lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; (2) Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương; (3) Xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; (4) Xây dựng, ban hành thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; (5) Xây dựng, ban hành thông tư của Tổng Kiểm toán nhà nước; (6) Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên tịch.



**Chương V: Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn và trường hợp đặc biệt** (gồm 03 điều, từ Điều 50 đến Điều 52), quy định về: (1) Trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn; (2) Trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; (3) Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp đặc biệt.

**Chương VI: Hiệu lực và nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật** (gồm 06 điều, từ Điều 53 đến Điều 58), quy định về: (1) Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; (2) Hiệu lực về không gian; (3) Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật; (4) Tạm ngưng hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật; (5) Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực; (6) Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật.

**Chương VII: Tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật** (gồm 08 điều, từ Điều 59 đến Điều 66), quy định về: (1) Nội dung và trách nhiệm tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; (2) Giải thích Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (3) Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; (4) Giám sát văn bản quy phạm pháp luật; (5) Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; (6) Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; (7) Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật; (8) Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số.

**Chương VIII: Trách nhiệm và nguồn lực trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật** (gồm 04 điều, từ Điều 67 đến Điều 70), quy định về: (1) Trách nhiệm xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng; (2) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; (3) Nhân lực cho công tác xây dựng pháp luật; (4) Cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

**Chương IX: Điều khoản thi hành** (gồm 02 điều: Điều 71 và Điều 72), quy định về: (1) Hiệu lực thi hành; (2) Điều khoản chuyển tiếp.

#### **IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT NĂM 2025**

Với mục tiêu đổi mới mạnh mẽ quy trình xây dựng pháp luật vừa bảo đảm rút ngắn thời gian, vừa nâng cao “năng suất”, kịp thời đáp ứng yêu cầu của thực tiễn phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, vừa bảo đảm “chất lượng” văn bản quy phạm pháp luật, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định những nội dung cơ bản, như sau:

## **1. Những quy định chung**

### ***1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)***

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung cơ bản về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (*không quy định về làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp*).

### ***1.2. Giải thích từ ngữ (Điều 3)***

Khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định về khái niệm “quy phạm pháp luật” theo hướng mở với 03 tiêu chí cơ bản: (i) quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung; (ii) được áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định; (iii) do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định trong Luật này ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện. Đồng thời, Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 đã bổ sung quy định giải thích từ ngữ “*chính sách*”, “*tham vấn chính sách*”, “*đánh giá tác động của chính sách*”. Quy định này là phù hợp với thông lệ quốc tế và là cơ sở quan trọng để phân định thẩm quyền lập pháp, lập quy, tăng cường ban hành các luật đa ngành để giải quyết một vấn đề cụ thể của thực tiễn.

### ***1.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (Điều 4)***

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định tổng số **25** hình thức văn bản quy phạm pháp luật và do **14** chủ thể có thẩm quyền ban hành. Trong đó:

- Bổ sung 01 hình thức văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành là nghị quyết theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 119-KL/TW.

- Thay đổi 01 hình thức từ quyết định Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành sang hình thức thông tư để bảo đảm tính tương đồng, thống nhất với hình thức văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

- Bỏ thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền cấp xã để thể chế hoá kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Kết luận số 119-KL/TW, đồng thời bảo đảm phù hợp với yêu cầu của thực tiễn (*nhu cầu ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền cấp xã là không lớn, nếu có thì văn bản quy phạm pháp luật được ban hành chủ yếu cũng là sao chép lại văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên*).

### ***1.4. Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 5)***

Để thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới tư duy xây dựng pháp luật và nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực, phòng,

chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm trong xây dựng pháp luật, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở kế thừa, có sửa đổi, bổ sung nội dung của Luật năm 2015. Theo đó, bổ sung một số nguyên tắc quan trọng: (1) Bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia, lợi ích quốc gia, dân tộc; kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; phòng, chống lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ; (2) Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm việc thực hiện chủ trương phân quyền, phân cấp; kịp thời giải quyết vấn đề bất cập, phát sinh từ thực tiễn; vấn đề mới, xu hướng mới; yêu cầu quản lý nhà nước và khuyến khích sáng tạo, khơi thông mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

### ***1.5. Phản biện xã hội, tham vấn, góp ý đối với chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Điều 6)***

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định các hình thức lấy ý kiến gồm: phản biện xã hội, tham vấn chính sách, lấy ý kiến góp ý đối với chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Về phản biện xã hội đối với dự thảo và lấy ý kiến góp ý đối với chính sách, dự thảo là các hình thức kế thừa Luật năm 2015. Để đáp ứng yêu cầu lấy ý kiến thực chất, đa dạng, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 đã quy định hình thức phản biện xã hội do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Luật này, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các luật khác có liên quan, quá trình phản biện cơ quan chủ trì soạn thảo cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội.

Đối với hình thức lấy ý kiến góp ý chính sách, dự thảo, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 đã mở rộng đối tượng lấy ý kiến là các Đoàn đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đối với quy trình xây dựng chính sách.

Bổ sung tham vấn chính sách nhằm mục đích thể chế hóa ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về việc “nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật”, trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật “không để lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ”, “chính sách phải cụ thể, rõ ràng”; khắc phục những tồn tại, hạn chế hiện nay trong quy trình xây dựng pháp luật, nhất là trong quy trình lập đề nghị việc xây dựng chính sách chưa được quan tâm đúng mức, nâng cao chất lượng của chính sách và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Đối tượng tham vấn chính sách là Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan trực tiếp đến nội dung chính sách. Đây là các cơ quan có thẩm quyền được giao tham mưu quyết định chính sách, tham mưu quyết định dự án luật. Do đó, muốn chính sách thực chất thì cần phải tham vấn các đối tượng này

để tìm kiếm sự phản biện, làm cơ sở hoàn thiện và tạo sự đồng thuận đối với chính sách, từ đó làm cơ sở cho việc soạn thảo. Nội dung tham vấn có trọng tâm, trọng điểm hơn, gắn kết giữa nội dung chính sách với chức năng, nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực của các cơ quan được tham vấn. Phương thức tham vấn là trực tiếp, tổ chức hội nghị tham vấn; có sự trao đổi, đối thoại, phản biện trực tiếp giữa cơ quan tham vấn và đối tượng được tham vấn.

### ***1.6. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Điều 8)***

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định văn bản quy phạm pháp luật bị bãi bỏ bằng văn bản của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó (*theo đó bỏ quy định “văn bản quy phạm pháp luật chỉ được bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó”*). Đồng thời, bổ sung quy định cụ thể các trường hợp ban hành văn bản thay thế, gồm: (1) Thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; (2) Sửa đổi, bổ sung về nội dung quá một phần hai tổng số điều.

## **2. Thẩm quyền ban hành, nội dung văn bản quy phạm pháp luật (Chương II)**

- Thực tiễn công tác chỉ đạo, điều hành và phản ứng chính sách của Chính phủ đã đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu, bổ sung thẩm quyền của Chính phủ trong việc ban hành một hình thức văn bản quy phạm pháp luật với quy trình xây dựng, ban hành nhanh gọn, kịp thời để văn bản có hiệu lực sau khi ban hành nhằm xử lý ngay vấn đề thực tiễn phát sinh. Ngoài ra, Luật năm 2015 chưa quy định thẩm quyền của Chính phủ trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện thí điểm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Chính phủ, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, chưa bảo đảm được sự linh hoạt và tính kịp thời trong chỉ đạo, điều hành, phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Do đó, khoản 2 Điều 14 Luật năm 2025 bổ sung quy định về thẩm quyền của Chính phủ ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để: (i) giải quyết các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn và để áp dụng trong một thời gian nhất định, phạm vi cụ thể thuộc thẩm quyền của Chính phủ; (ii) tạm ngưng, điều chỉnh hiệu lực hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần nghị định của Chính phủ đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; (iii) thực hiện thí điểm một số chính sách chưa có pháp luật điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Chính phủ hoặc khác với nghị định, nghị quyết hiện hành.

- Đối với thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương cấp tỉnh: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 bổ sung thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân

dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để bảo đảm thống nhất với Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể:

+ Bổ sung thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: i) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; ii) Thực hiện thí điểm các chính sách theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

+ Bổ sung thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định để quy định phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

### **3. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Chương III)**

#### ***3.1. Định hướng lập pháp nhiệm vụ và Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội (Mục 1)***

##### *\* Đối mới việc xây dựng chương trình lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội chủ trì, phối hợp với Chính phủ, cơ quan, tổ chức xây dựng Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội, hoàn thành trước ngày 01/9 của năm đầu tiên của nhiệm kỳ Quốc hội khoá mới, để trình cơ quan có thẩm quyền của Đảng phê duyệt.

- Định hướng lập pháp nhiệm kỳ được xây dựng dựa trên các căn cứ như chủ trương, đường lối của Đảng, các định hướng, kết luận của cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước; kết quả thực hiện Định hướng lập pháp của nhiệm kỳ hiện tại, yêu cầu tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật; vấn đề mới, xu hướng mới cần có pháp luật điều chỉnh; yêu cầu giải quyết vấn đề bất cập, phát sinh từ thực tiễn.

- Nội dung định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội bao gồm danh mục các nhiệm vụ rà soát, nghiên cứu, đề xuất ban hành, sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh, nghị quyết và được phân kỳ theo thứ tự ưu tiên hằng năm của nhiệm kỳ Quốc hội.

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kế hoạch triển khai thực hiện ngay sau khi Định hướng được phê duyệt. Theo đó, Chính phủ có thể chủ động giao các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì xây dựng chính sách, soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết ngay từ thời điểm này. Trong quá trình rà soát thực hiện các nhiệm vụ lập pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo có thể chủ động xây dựng chính sách, soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết.

##### *\* Về xây dựng, triển khai thực hiện chương trình lập pháp hằng năm*

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan có thẩm quyền quyết định Chương trình theo trình tự, thủ tục gồm 03 bước: (1) Đề xuất xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết; (2) Rà soát, đề xuất ý kiến về dự kiến Chương trình; (3) Xem xét, thông qua Chương

trình: Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức phiên họp xem xét, thông qua nghị quyết về Chương trình lập pháp hằng năm; Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định Chương trình lập pháp năm tiếp theo trước ngày 01/10 hằng năm.

Để bảo đảm tính linh hoạt của Chương trình lập pháp, khoản 2 Điều 26 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định trường hợp cần ban hành luật, nghị quyết ngay tại kỳ họp Quốc hội đang diễn ra hoặc kỳ họp gần nhất để giải quyết ngay vấn đề cấp bách, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn mà nội dung đề xuất chưa có trong Chương trình lập pháp hằng năm thì cơ quan trình dự án chủ động tổ chức việc soạn thảo và không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách; gửi hồ sơ dự án để Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội thẩm tra, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến đồng thời quyết định việc bổ sung vào dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, thông qua.

**3.2. Xây dựng chính sách (Mục 2); soạn thảo, thẩm tra, thông qua, công bố luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Mục 3, 4)**

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định về quy trình xây dựng chính sách; xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có những điểm mới, như sau:

**Thứ nhất**, tách quy trình xây dựng chính sách khỏi việc lập Chương trình lập pháp hằng năm (*các cơ quan đề xuất lập chương trình lập pháp hằng năm không phải xây dựng hồ sơ chính sách khi đề xuất xây dựng chương trình*).

**Thứ hai**, phân định rõ quy trình xây dựng chính sách và quy trình soạn thảo, trong đó cơ quan trình quyết định chính sách, thực hiện soạn thảo và trình Quốc hội quyết định nhằm tạo sự linh hoạt, mở rộng tối đa quyền cho cơ quan trình, nhất là Chính phủ để Chính phủ linh hoạt, chủ động điều hành, ứng phó với các tình huống của thực tiễn.

**Thứ ba**, đơn giản hoá quy trình nhằm tăng tính chủ động, linh hoạt, rõ ràng, minh bạch trong việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, kịp thời đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

- Thu hẹp các trường hợp văn bản quy phạm pháp luật cần thực hiện quy trình 02 giai đoạn (xây dựng chính sách và soạn thảo). Theo đó, trên cơ sở chính sách đã được Chính phủ thông qua, Điều 27 Luật năm 2025 quy định 03 trường hợp phải xây dựng chính sách: (1) Luật, pháp lệnh mới; luật, pháp lệnh thay thế các luật, pháp lệnh hiện hành; (2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có nội dung hạn chế quyền con người, quyền công dân; (3) Nghị quyết thí điểm của Quốc hội. Đối với các luật, pháp lệnh, nghị quyết còn lại sẽ thực hiện quy trình soạn thảo mà không cần thực hiện quy trình chính sách.

- Quy định đơn giản, hợp lý hơn về quy trình xây dựng chính sách và quy trình soạn thảo (quy phạm hóa chính sách). Trong đó, quy trình xây dựng chính sách sẽ được thực hiện trong phạm vi Chính phủ và cơ quan trình, gồm 04 bước cơ bản, tương tự như Luật năm 2015, nhưng có đơn giản một số thủ tục. Đặc biệt, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 đã bổ sung hoạt động tham vấn chính sách nhằm tìm kiếm sự đồng thuận, lựa chọn giải pháp tối ưu, hoàn thiện chính sách làm cơ sở soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, cũng như bảo đảm tính khả thi của chính sách trong cuộc sống; nội dung được tham vấn là một hoặc một số chính sách liên quan trực tiếp tới phạm vi, lĩnh vực phụ trách của các cơ quan được tham vấn.

**Thứ tư**, bổ sung quy định cơ quan trình chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm tra và các cơ quan có liên quan trong việc nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội để chỉnh lý dự thảo luật, nghị quyết. Đồng thời, bổ sung các quy định nhằm phân định rõ vai trò cũng như tăng cường cơ chế phối hợp giữa của cơ quan trình, cơ quan thẩm tra và Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong quá trình trình, thẩm tra, cho ý kiến, chỉnh lý, hoàn thiện dự án luật.

**Thứ năm**, để bảo đảm chất lượng của dự án luật, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định về việc lùi thời điểm trình Quốc hội thông qua để tiếp tục hoàn thiện trình Quốc hội tại kỳ họp tiếp theo hoặc trình lại trong 02 trường hợp: (i) trường hợp cơ quan trình và Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa thống nhất thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan trình quyết định hoặc báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định lùi thời điểm trình Quốc hội thông qua (Điều 38, Điều 40); (ii) trường hợp dự thảo luật, nghị quyết chưa được thông qua, Quốc hội xem xét, quyết định lùi thời điểm thông qua (khoản 11 Điều 40).

#### **4. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan khác (Chương IV)**

Đề thể chế hóa Kết luận số 119-KL/TW của Bộ Chính trị về việc “*sửa đổi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo hướng chỉ quy định cụ thể trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội*”, “*đối với các văn bản dưới luật, luật quy định một số nguyên tắc chung nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và giao các chủ thể có thẩm quyền ban hành văn bản quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền*”. Chương IV Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 chỉ quy định cụ thể trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch nước, nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước và văn bản liên tịch trên cơ sở kế thừa quy định của Luật năm 2015 (do Luật năm

2015 quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các chủ thể này ngắn gọn, quá trình thực hiện không phát sinh khó khăn); đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương (Điều 45).

Theo đó, Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tại Nghị định quy định cụ thể về trình tự, thủ tục đề xuất, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, xem xét, thông qua, ký ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng ngắn gọn hơn, đơn giản hơn, tiết kiệm thời gian, chi phí, vừa nâng cao “năng suất”, vừa chú trọng bảo đảm “chất lượng” linh hoạt theo đúng nhu cầu, đòi hỏi của xã hội, cụ thể:

- Cho phép công an, quân sự cấp tỉnh, tự mình hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được soạn thảo luôn không phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách, chỉ yêu cầu đánh giá tác động của quy định đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện thí điểm các chính sách theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- Không quy định bắt buộc lấy ý kiến bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Quy định linh hoạt trong việc tổ chức thẩm định, theo đó chỉ với trường hợp cần thiết và văn bản do Sở Tư pháp chủ trì mới phải thành lập Hội đồng thẩm định. Bổ sung trách nhiệm của thành viên hội đồng thẩm định hoặc người tham gia cuộc họp thẩm định chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực do mình phụ trách và các nội dung khác có liên quan. Trong đó, đại diện Sở Tài chính có ý kiến về bảo đảm nguồn tài chính; đại diện Sở Nội vụ có ý kiến về bảo đảm nguồn nhân lực, việc phân cấp (nếu có).

## **5. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt (Chương V)**

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 kế thừa quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn của Luật năm 2015 và sửa đổi, bổ sung một số quy định sau: (1) Quy định rõ thời điểm đề xuất áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn là trước hoặc trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm tính linh hoạt, tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn ở bất kỳ



thời điểm nào, khi phát sinh yêu cầu cần áp dụng; (2) Cho phép áp dụng thủ tục rút gọn để xây dựng thông tư trong tất cả các trường hợp, tương tự như các loại văn bản quy phạm pháp luật khác; giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ sẽ tự quyết định việc ban hành thông tư theo thủ tục rút gọn mà không cần phải xin ý kiến Bộ Tư pháp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định; (3) Quy định rõ trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thủ tục rút gọn với mục tiêu vừa đơn giản, hợp lý hoá quy trình nhưng vừa phải bảo đảm chất lượng của văn bản.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 bổ sung quy định về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục đặc biệt, trong đó quy định: Khi được Bộ Chính trị đồng ý và trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp hoặc xảy ra sự cố, thảm họa theo quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự hoặc sự kiện bất khả kháng hoặc các vấn đề cấp bách, quan trọng của đất nước, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp đặc biệt. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ giao cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan soạn thảo, trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ xem xét, thông qua.

## **6. Hiệu lực và nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật (Chương VI)**

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định về thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; hiệu lực về không gian; hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật; tạm ngưng hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật; văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực và việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở kế thừa quy định của Luật năm 2015 và có sửa đổi, bổ sung, trong đó có một số điểm mới, như sau:

- Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành (*Luật năm 2015 quy định không sớm hơn 07 ngày*).

- Trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định hiệu lực trở về trước (*Luật năm 2015 quy định văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp không được quy định hiệu lực trở về trước*).

- Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần do có văn bản quy phạm pháp luật khác thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung **thì văn bản quy định chi tiết, quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn**

**thi hành** văn bản đó **tiếp tục có hiệu lực trong trường hợp không trái với văn bản quy phạm pháp luật thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung**, trừ trường hợp được công bố hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần (*Luật năm 2015 quy định văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực*).

## **7. Tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Chương VII)**

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định về:

(1) Nội dung tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật gồm ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra, theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật...

(2) Quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, người có thẩm quyền trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật và báo cáo hoặc cung cấp thông tin về tổ chức thi hành theo quy định của pháp luật.

(3) Kế thừa quy định Chương XV và Chương XVI Luật năm 2015 và sửa đổi, bổ sung một số nội dung về giám sát, kiểm tra, xử lý, hợp nhất, pháp điển, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

(4) Bổ sung quy định hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật dưới luật, như sau:

- Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đối với văn bản quy phạm pháp luật trừ Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật xem xét, hướng dẫn áp dụng đối với văn bản do mình ban hành bằng văn bản hành chính, trên cơ sở đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trường hợp cần thiết, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành văn bản hành chính để hướng dẫn áp dụng.

- Việc hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo các trường hợp, nguyên tắc, tiêu chí tương tự như giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị quyết. Theo đó, hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện trong 02 trường hợp và 04 thứ tự nguyên tắc, tiêu chí. Việc hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật không được đặt ra quy định mới.

Theo đó, hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật năm 2025 chính là hướng dẫn quy định trong văn bản quy phạm pháp luật mà không phải là hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật đối với từng vụ việc, trường hợp cụ thể. Mục đích của việc hướng dẫn là bảo đảm các cơ quan, tổ chức hiểu đúng và thống nhất quy định trong văn bản quy phạm pháp

luật. Các cơ quan, tổ chức có thể căn cứ vào nội dung hướng dẫn để quyết định việc áp dụng pháp luật cho từng trường hợp cụ thể và chịu trách nhiệm đối với việc áp dụng pháp luật của mình. Việc hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật giúp xử lý nhanh các vấn đề thực tiễn và không tốn kém chi phí, nhân lực để sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

### **8. Trách nhiệm và nguồn lực trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (Chương VIII)**

- Để tăng cường kiểm soát quyền lực trong xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định trách nhiệm xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của đảng (Điều 67); trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng chậm tiến độ trình văn bản hoặc ban hành văn bản trái pháp luật, để xảy ra hành vi tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ trong xây dựng pháp luật của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ (Điều 68). Đồng thời, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 bổ sung quy định miễn trừ, giảm nhẹ trách nhiệm cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, công chức làm công tác xây dựng pháp luật nếu đã kịp thời áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, lãng phí trong công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật (khoản 11 Điều 68).

- Đối với nguồn lực thi hành, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 dành 02 điều (Điều 69, Điều 70) để quy định về bảo đảm nguồn lực cho công tác xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm thể chế hóa chủ trương phát triển nguồn nhân lực làm công tác xây dựng pháp luật có bản lĩnh chính trị, vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, thành thạo chuyên môn. Quan tâm bố trí đủ nguồn lực, có cơ chế tài chính và chế độ, chính sách đặc thù cho công tác và cán bộ làm công tác pháp chế, xây dựng pháp luật, xác định đầu tư cho xây dựng pháp luật là đầu tư cho phát triển; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng pháp luật.

Đặc biệt, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 đã quy định Quốc hội ban hành cơ chế đặc thù về kinh phí cho công tác xây dựng pháp luật, điều này là cần thiết, để đáp ứng thỏa đáng yêu cầu về công tác hoàn thiện thể chế.

### **9. Điều khoản thi hành (Chương IX)**

- Hiệu lực thi hành: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/4/2025, trừ quy định về việc điều chỉnh Chương

trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 được thực hiện theo quy định của Luật này từ ngày 19/02/2025.

- Quy định chuyển tiếp, trong đó đối với Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước được ban hành trước ngày 01/4/2025 thì tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có văn bản bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác hoặc bị bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã được ban hành trước ngày 01/4/2025 thì tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có văn bản bãi bỏ hoặc bị bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền./.

***Nơi nhận:***

- Các Ban Đảng, UBKT, VP Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Phòng Tư pháp huyện, thành phố;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: NV1.(TTLan).

**SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG**